TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST Ngày: 18/6/2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/TLST - HNGĐ ngày 04/03/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐHPT – HNGĐ ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, nơi ở hiện nay: Thôn E, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt)

*** Bị đơn**: Anh Đỗ Quang L, sinh năm 1989; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:

*** Về hôn nhân**: Chị và anh Đỗ Quang L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi kết hôn hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do dịch

bệnh Covid19 nên anh L ở nhà; sau khi dịch bệnh hết thì anh L lại không chịu đi làm trở lại dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Chị góp ý thì anh L mắng át đi; chị nói lại thì bị anh L đánh. Do chị một thân một mình nhà chồng, không có ai quen biết nên không dám góp ý nhiều vì sợ bị đánh. Đến tháng 6/2024 chị có mang ba con vào nhà ông bà ngoại chơi; lúc này chị mới nghĩ đến chuyện nói chuyện với anh L về việc chị muốn ly hôn. Chị gọi điện thoại nói chuyện với anh L thì anh L không đồng ý và có những lời lẽ xúc phạm chị và bố mẹ chị. Đến đầu tháng 9/2024 chị đưa cháu C và cháu A về lại quê chồng để các cháu đi học vì khi chị xin chuyển trường cho các cháu vào nhà ông bà ngoại đi học nhưng không được anh L đồng ý. Sau đó đến giữa tháng 9/2024 chị lại quay vào trong nhà bố mẹ chị ở. Trong quãng thời gian ở nhà chồng, chị chỉ nói chuyện nhẹ nhàng với anh L mà không dám nói chuyện gì khác vì sợ bị anh L đánh. Khi chị đi vào miền Nam thì anh L có gọi điện bảo chị về để làm thủ tục ly hôn nhưng do lo sợ về bị đánh nên chị không về. Nay chị thấy không thể sống cùng anh L nên chị đến Tòa làm thủ tục ly hôn.

Do nơi chị ở cách Tòa án nhân dân huyện B hơn 1000km nên không có điều kiện đến Tòa để tham gia tố tụng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt khi giải quyết vụ kiện chị xin ly hôn anh L cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

* **Về con chung**: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Phạm Minh C, sinh ngày 03/10/2013, cháu Đỗ Phạm Bình A, sinh ngày 19/9/2017 và cháu Đỗ Phạm Phương T, sinh ngày 20/02/2022; hiện nay cháu C, cháu A đang ở với anh L, cháu T đang ở với chị; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu T; đề nghị Tòa án giao cháu C, cháu A cho anh L nuôi dưỡng. Do anh L phải nuôi hai con nên chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh L theo quy định. Chị và anh L không ai có con riêng, vợ chồng không có con nuôi và hiện tại chị không có thai.

*** Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn**: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đỗ Quang L trình bày:

* **Về hôn nhân**: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi kết hôn hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc sinh hoạt và trong làm kinh tế và vợ chồng sống ly thân từ giữa tháng 09/2024 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn và anh đồng ý với đề nghị ly hôn của chị H.

* **Về con chung**: Vợ chồng anh và chị H có 03 con chung là cháu Đỗ Phạm Minh C, sinh ngày 03/10/2013, cháu Đỗ Phạm Bình A, sinh ngày 19/9/2017 và cháu Đỗ Phạm Phương T, sinh ngày 20/02/2022; hiện nay cháu C, cháu A đang ở với anh, cháu T đang ở với chị H; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh xin được nuôi cháu C và cháu An; đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu C, cháu A cho anh.

Anh xác định: Chị H đã có thai cháu C với anh trước khi kết hôn và cháu Đỗ phạm Minh C là con chung của vợ chồng.

* **Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn**: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này trong việc anh quyền kiện ly hôn chị.

[3] Tại phiên tòa chị H anh L đều vắng mặt nên không có phần trình bày.

[4] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Quang L.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Phạm Minh C, sinh ngày 03/10/2013 và cháu Đỗ Phạm Bình A, sinh ngày 19/9/2017 cho anh L nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Phạm Phương T, sinh ngày 20/02/2022cho chị H nuôi dưỡng. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; bị đơn – anh Đỗ Quang L có nơi thường trú và cư trú tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh L đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Quang L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc sinh hoạt cũng như trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và anh chị sống ly thân từ giữa tháng 09/2024 đến nay. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn. Xét chị H, anh L không tham gia hòa giải do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn anh L là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Quang L đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Phạm Minh C, sinh ngày 03/10/2013, cháu Đỗ Phạm Bình A, sinh ngày 19/9/2017 và cháu Đỗ Phạm Phương T, sinh ngày 20/02/2022; hiện nay cháu C, cháu A đang ở với anh L; cháu T đang ở với chị H; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù cháu C, cháu A có nguyện vọng ở với chị H tuy nhiên hiện tại các cháu đang học tập, sinh sống tại xã A; cách rất xa chỗ chị H đang sinh sống; việc chuyển trường, chuyển nơi sinh hoạt của các cháu là hết sức khó khăn. Bản thân chị H và anh L đều đề nghị Tòa án giao cháu C, cháu A cho anh L nuôi dưỡng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của anh chị; giao cháu C, cháu A cho anh L nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con; mặc dù chị H vẫn có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi cháu A cho L theo quy định của pháp luật nhưng xét thấy anh L có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng các con và anh L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu An cho anh L.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh L đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh L xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Quang L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Phạm Minh C, sinh ngày 03/10/2013 và cháu Đỗ Phạm Bình A, sinh ngày 19/9/2017 cho anh Đỗ Quang L nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Phạm Phương T, sinh ngày 20/02/2022 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh L và các thành viên trong gia đình chị H, anh L không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C, cháu A và cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000656 ngày 03/3/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H, anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)